



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội Địa Số 10 trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp 0313159937, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38720567

Fax: 028 38720568

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|--------|-------------------|----------------------------|
| 1. Ông | Vũ Trung Tá | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông | Ngô Thanh Liêm | Thành viên |
| 3. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên |
| 4. Ông | Phan Huỳnh Tùng | Thành viên |
| 5. Ông | Đặng Văn Dũng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Trung Tá Tổng Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Ông Ngô Thanh Liêm Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Trường Sơn Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP.HCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 37.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2017 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc – Vũ Trung Tá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018.



Số: 07/2018/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2018, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.608.531.592	27.940.139.531
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		516.184.964	3.553.330.847
111	1. Tiền	V.1	516.184.964	3.553.330.847
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.649.861.925	23.812.033.527
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	23.877.577.554	21.442.284.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	40.000.000	1.000.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.862.759.772	1.369.748.918
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(1.130.475.401)	-
140	IV. Hàng tồn kho		166.547.076	145.459.703
141	1. Hàng tồn kho	V.6	166.547.076	145.459.703
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		275.937.627	429.315.454
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	271.828.446	425.206.273
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.109.181	4.109.181
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.662.772.711	11.626.426.902
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	299.512.258
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.8	-	299.512.258
220	II. Tài sản cố định		11.837.867.696	8.929.966.995
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	10.743.928.113	7.805.832.544
222	- Nguyên giá		22.434.414.984	26.220.588.540
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.690.486.871)	(18.414.755.996)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.093.939.583	1.124.134.451
228	- Nguyên giá		1.177.600.000	1.177.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83.660.417)	(53.465.549)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		436.187.859	2.191.297.889
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	340.371.042	213.855.518
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	95.816.817	1.977.442.371
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		388.717.156	205.649.760
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	388.717.156	205.649.760
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		38.271.304.303	39.566.566.433

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.922.335.238	22.218.984.535
310	I. Nợ ngắn hạn		15.377.506.904	21.468.984.535
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	5.798.823.949	9.168.997.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	276.866.200	638.684.013
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.643.559.904	2.317.051.128
314	4. Phải trả người lao động	V.17	2.796.401.091	3.123.761.703
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	244.248.559	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	23.759.127	1.101.658.636
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	3.501.857.893	5.101.768.719
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	91.990.181	17.062.919
330	II. Nợ dài hạn		3.544.828.334	750.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.22	3.544.828.334	750.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.348.969.065	17.347.581.898
410	I. Vốn chủ sở hữu		19.348.969.065	17.347.581.898
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.23.1	15.000.000.000	15.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.23.2	1.390.000	1.390.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.23.3	639.203.420	205.129.896
421	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.23.4	3.708.375.645	2.141.062.002
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.951.716	30.694.381
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.676.423.929	2.110.367.621
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		38.271.304.303	39.566.566.433

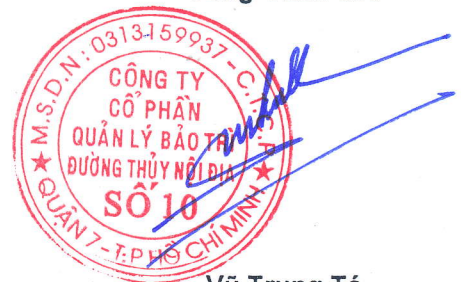
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.24	45.699.811.774	43.270.185.599
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.699.811.774	43.270.185.599
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.25	36.694.782.659	36.532.602.200
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.005.029.115	6.737.583.399
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	11.869.199	7.880.791
22	7. Chi phí tài chính	VI.27	337.380.000	255.619.677
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		337.380.000	255.619.677
25	8. Chi phí bán hàng	VI.28	60.454.545	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.29	4.624.133.036	4.248.786.174
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.994.930.733	2.241.058.339
31	11. Thu nhập khác	VI.30	1.070.087.359	693.207.272
32	12. Chi phí khác	VI.31	290.195.648	178.133.524
40	13. Lợi nhuận khác		779.891.711	515.073.748
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.774.822.444	2.756.132.087
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.32	980.828.332	585.764.466
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		3.793.994.112	2.170.367.621
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.33	2.276	1.308

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.774.822.444	2.756.132.087
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.712.490.594	1.599.953.788
03	- Các khoản dự phòng		1.130.475.401	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(43.831.725)	(45.164.781)
06	- Chi phí lãi vay		337.380.000	255.619.677
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.911.336.714	4.566.540.771
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.054.987.093)	(9.866.140.262)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(147.602.897)	1.533.795.014
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(3.197.698.197)	6.210.645.914
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(29.689.569)	57.323.308
14	- Tiền lãi vay đã trả		(320.530.000)	(255.619.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(519.961.143)	(373.992.195)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(182.109.500)	(82.075.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.458.758.315	1.790.477.873
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.930.159.123)	(3.338.584.995)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		124.500.000	42.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		246.007.182	7.880.791
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.559.651.941)	(3.287.976.932)

101020384
 CÔNG
 KIỂM
 NHẬN T.
 -CHỈ N.
 TẠI THÀ
 HỒ CHÍ
 12-TRH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	30.680.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		4.905.000.000	2.800.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(6.352.853.257)	(900.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.488.399.000)	(465.191.753)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.936.252.257)	1.465.488.247
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.037.145.883)	(32.010.812)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	3.553.330.847	3.585.341.659
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	516.184.964	3.553.330.847

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

2-003
 CYNHH
 TOÁN
 AM VIỆ
 LÀNH
 H PHỐ
 MINH
 5 CHINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2017 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 sau đây gọi tắt là "Công ty".

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

(Nhà nước nắm giữ 51% Vốn điều lệ - Là cổ đông chi phối)

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thủy;
- Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng phương tiện thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, ngoài Trụ sở chính, Công ty còn có hệ thống các Chi nhánh và địa điểm bán hàng sau đây:



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

❖	Các Chi nhánh Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10	Địa chỉ	Mã số
1	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Bình Đức	Số 377, Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	0313159937- 001
2	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phước Đông	Số 70, Ấp 7, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	0313159937- 002
3	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Đức Huệ	Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	0313159937- 003
4	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phú Cường	Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0313159937- 004
5	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Biên Hoà	Số 148/1/8, Châu Văn Lồng, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	0313159937 - 005
6	Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Trị An	Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	0313159937- 006
❖	Địa điểm kinh doanh Xí nghiệp Đảm bảo An toàn Giao thông	Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký – Sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm công trình hoặc giá thành theo giá khoán nội bộ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp : Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp : Kế khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35
- Máy móc và thiết bị	8 – 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 16

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 39 năm (từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2053).

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

11. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

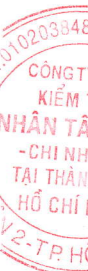
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;



- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	40.026.651	53.178.909
- Tiền gửi ngân hàng	476.158.313	3.500.151.938
Cộng	516.184.964	3.553.330.847

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	10.430.266.140	2.221.483.000
- Công ty CP Quản lý Đường sông Số 2	4.617.018.991	5.250.162.359
- Ban Quản lý Dự án Đường thủy Nội địa	-	5.071.498.017
- Công ty CP Đầu tư Cầu Mỹ Lợi (*)	1.600.002.600	1.600.002.600
- Chi cục Đường thủy Nội địa phía nam	1.840.676.499	-
- Công ty TNHH MTV 319.2	980.369.000	1.280.369.000
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000
- Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	539.665.500	1.725.638.500
- CN Công ty CP Quản lý Đường sông Số 2 phía Nam	735.223.314	374.643.980
- Công ty CP E.C.O.N (*)	50.000.000	50.000.000
- Công ty CP ĐT Xây dựng Tây Ninh (*)	364.909.418	364.909.418
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lý Trần (*)	354.400.000	354.400.000
- Công ty TNHH SXTMDV XD XNK Đức Phú Thịnh (*)	118.858.000	118.858.000
- Các đối tượng khác	1.417.098.092	2.201.229.735
Cộng	23.877.577.554	21.442.284.609

(*) Các khoản phải thu này liên quan đến các công trình phải chờ quyết toán Ngân sách Nhà nước nên chậm thu hồi.

3. Trả trước ngắn hạn cho người bán

- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	40.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Triệu Tấn	-	1.000.000.000
Cộng	40.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

4. Phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu thuế TNCN của người lao động	-	152.057.569
- Tạm ứng	437.401.593	949.766.899
- Ký cược, ký quỹ (i)	1.164.104.995	-
- Phan Huỳnh Tùng	-	255.000.000
- Đặng Văn Dũng (ii)	100.344.850	-
- Nộp thừa BHXH	23.083.494	-
- Phải thu khác	137.824.840	12.924.450
Cộng	1.862.759.772	1.369.748.918

(i) Các khoản ký quỹ để bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Các khoản ký quỹ này được thể hiện trên các Thư bảo lãnh của Ngân hàng có thời hạn bảo lãnh dưới 12 tháng.

(ii) Là khoản phải thu về lợi nhuận từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1114/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015 được quyết toán lợi nhuận ngày 30/12/2017 (xem thuyết minh số V22.1)

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty CP XD CT Đường Sắt 796	108.747.000	108.747.000	108.747.000	-
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000	829.090.000	-
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy Nội địa	180.871.401	180.871.401	180.871.401	-
- Công ty TNHH KT Công nghệ Thiên Ân	11.767.000	11.767.000	11.767.000	-
Cộng	1.130.475.401	1.130.475.401	1.130.475.401	-

6. Hàng tồn kho **166.547.076** **145.459.703**

Giá gốc của Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối năm.

20384
CÔNG TY
KIỂM
ÁN TÀI
CHÍNH
HÀNH
THÀNH
ĐỒ CHỈ
TP HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ	42.551.585	69.050.306
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các Trạm	229.276.861	356.155.967
Cộng	271.828.446	425.206.273

8. Phải thu dài hạn khác - **299.512.258**

Số đầu năm là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm	4.262.794.112	577.534.154	21.380.260.274	26.220.588.540
- Đầu tư XDCB hoàn thành	140.469.814	-	5.561.140.774	5.701.610.588
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.487.784.144	9.487.784.144
- Số cuối năm	4.403.263.926	577.534.154	17.453.616.904	22.434.414.984
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	1.812.578.034	440.859.181	16.161.318.781	18.414.755.996
- Khấu hao trong năm	194.848.704	31.393.368	2.456.053.654	2.682.295.726
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.406.564.851	9.406.564.851
- Số cuối năm	2.007.426.738	472.252.549	9.210.807.584	11.690.486.871
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	2.450.216.078	136.674.973	5.218.941.493	7.805.832.544
- Tại ngày cuối năm	2.395.837.188	105.281.605	8.242.809.320	10.743.928.113
TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày đầu năm	-	151.224.560	667.158.447	818.383.007
- Tại ngày cuối năm	-	151.224.560	1.773.474.803	1.924.699.363

2-003-C
Y TNHH
TOÁN
M VIỆT
ANH
H PHỐ
TINH
CHI MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn sử dụng đến ngày 25 tháng 9 năm 2053.

Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản.

Tình hình tài sản cố định vô hình như sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	1.177.600.000	-	1.177.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	53.465.549	30.194.686	83.660.417
- Giá trị còn lại	1.124.134.451	30.194.686	1.093.939.583

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

- Cung cấp và lắp đặt biển báo hiệu ĐTNĐ đường dây 500KV Long Phú - Ô Môn	169.321.969	-
- Đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu- QL 60	92.981.000	-
- Điều tiết giao thông thủy cầu Cai Lậy	48.604.518	48.604.518
- Đảm bảo giao thông thủy trong quá trình thi công cầu La Ngà	-	165.251.000
- Các công trình khác	29.463.555	-
Cộng	340.371.042	213.855.518

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang **95.816.817** **1.977.442.371**

Chi phí mua sắm mới, sửa chữa lớn tài sản cố định.

13. Chi phí trả trước dài hạn **388.717.156** **205.649.760**

Giá trị còn lại của các Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian phân bổ 13 tháng đến 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

14. Phải trả người bán ngắn hạn

- DNTN Vận tải sông Quang Trung	190.153.800	372.049.110
- Công ty TNHH SX Thương mại Cơ khí Trí Trung	888.914.660	585.747.023
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	1.634.081.000	4.616.776.959
- Công ty TNHH TMDV Phương Phương Anh	182.000.000	573.500.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thái Anh	735.300.000	1.670.191.500
- Cơ sở Trí Đức	200.926.950	-
- Công ty CP SX Thiết bị Điều khiển và Báo hiệu	508.119.480	-
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải Đông Nam Long	826.100.000	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Thủy bộ	305.276.599	-
- Khu quản lý Đường thủy Nội địa	-	253.272.000
- DNTN Xăng dầu Phát Huệ	-	246.113.950
- Các đối tượng khác	327.951.460	851.346.875
Cộng	5.798.823.949	9.168.997.417

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Tỉnh Bình Dương	101.800.000	-
- Công Ty TNHH MTV Xây Lắp Điện 2	85.731.200	-
- Các đối tượng khác	89.335.000	638.684.013
Cộng	276.866.200	638.684.013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	1.916.262.957	2.089.816.452	2.274.970.109	1.731.109.300
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	400.083.928	980.828.332	519.961.143	860.951.117
- Thuế Thu nhập cá nhân	704.243	110.705.349	59.910.105	51.499.487
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	469.501.430	469.501.430	-
- Các loại thuế khác phải nộp	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	2.317.051.128	3.659.851.563	3.333.342.787	2.643.559.904

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

17. Phải trả người lao động **2.796.401.091** **3.123.761.703**

Tiền lương và các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động.

Quý lương trong năm được trích theo định mức tiền lương (nhân công) của các hạng mục, dự án, công trình hoàn thành trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

18. Chi phí phải trả

- Chi phí giám sát thi công công trình nạo vét đảm bảo giao thông bãi cạn kênh Bấy Hạp - Gành Hào	120.485.000	-
- Chi phí thuê ca nô	106.984.559	-
- Các chi phí khác	16.779.000	-
Cộng	244.248.559	-

19. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	-	14.795.900
- Bảo hiểm xã hội	-	168.324.810
- Bảo hiểm y tế	-	33.290.775
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	14.795.900
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	23.759.127	870.451.251
Cộng	23.759.127	1.101.658.636

(*) Trong đó: Khoản lợi nhuận phải trả cho ông Đặng Thanh Phong từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017 có số tiền là 17.570.183 đồng. Hợp đồng Hợp tác kinh doanh được trình bày chi tiết tại thuyết minh số **V.22.2**.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
20.1 Ông Đặng Thanh Phong	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
20.2 Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thuỷ Nội Địa Số 10	2.601.768.719	-	1.599.910.826	1.001.857.893
20.3 Ông Đặng Văn Dũng	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
20.4 Công Ty TNHH Vận Tải Cửu Long	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
20.5 Bà Trương Thị Yến Nga	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
20.5 Các đối tượng khác	-	1.005.000.000	1.005.000.000	-
Cộng	5.101.768.719	4.905.000.000	6.504.910.826	3.501.857.893

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- 20.1** Khoản vay Ông Đặng Thanh Phong theo Hợp đồng vay số 12.16 ngày 04/01/2016; Phụ lục hợp đồng vay số 12.16 ngày 04/12/2016 và Hợp đồng vay số 02.01 ngày 01/02/2016; Phụ lục hợp đồng vay số 02.01 ngày 03/01/2017. Chi tiết các điều khoản cơ bản:

	Hợp đồng số 12.16	Hợp đồng số 02.01
- Hạn mức vay :	1.500.000.000 đồng	1.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay :	12 tháng	12 tháng
- Lãi suất :	12%/năm	12%/năm
- Ngày đến hạn :	04/12/2018	02/01/2018
- Mục đích vay :	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty
- Tài sản đảm bảo :	Không có	Không có

- 20.2** Khoản vay Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thuỷ Nội Địa Số 10 theo Thỏa thuận vay vốn ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Biên bản điều chỉnh thỏa thuận vay vốn ngày 02 tháng 01 năm 2016; lãi suất cho vay bằng 0%/năm; Công ty sẽ thanh toán số tiền trên thành nhiều đợt tùy thuộc vào tình hình tài chính.

21. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	10.855.416	78.518.381	11.500.000	77.873.797
- Quỹ Phúc lợi	6.207.503	178.518.381	170.609.500	14.116.384
Cộng	17.062.919	257.036.762	182.109.500	91.990.181

22. Phải trả dài hạn khác

22.1	Đặng Văn Dũng	3.344.828.334	750.000.000
22.2	Đặng Thanh Phong	200.000.000	-
	Tổng cộng	3.544.828.334	750.000.000

22.1 Khoản phải trả ông Đặng Văn Dũng:

Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1114/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015; PLHĐ số 03.03/PLHĐ ngày 13/3/2017; PLHĐ số 10.01-1/PLHĐ ngày 01/10/2017 đã được ký kết giữa Công ty và Ông Đặng Văn Dũng:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Các bên sẽ hợp tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB); Tổng mức đầu tư: **5.574.713.890 Đồng**; Trong đó Công ty góp 40%; Ông Đặng Văn Dũng góp 60%. Thời hạn hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- Sau khi hoàn thành, Công ty sẽ giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác.
- Hàng tháng ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty một khoản phí không thấp hơn 1%/tháng trên tổng số tiền góp của Công ty (tương đương 12%/năm) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh khai thác của ông Dũng.

22.2 Khoản phải trả ông Đặng Thanh Phong:

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh bến thủy nội địa số **06.04/HĐHTKD** ngày 24 tháng 6 năm 2017 được ký kết giữa Công ty và ông Đặng Thanh Phong:

Các bên Hợp tác đầu tư bến kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng tại Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức (Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An). Thời hạn hợp tác bắt đầu từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 (theo thời hạn Giấy phép hoạt động của Bến thủy nội địa số 300/2017/GPBTNĐ của Sở GTVT Long An cấp ngày 21/8/2017).

Về vốn góp của các bên:

- Ông Đặng Thanh Phong : Góp vốn bằng Tài sản cố định là thiết bị (xe múc...) và bằng tiền là 200.000.000 Đồng
- Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 10 : Góp bằng phương tiện thiết bị, mặt bằng bến bãi và các cơ sở hạ tầng (nhà điều hành, kè bờ, đường xe ra vào bãi cát...)

Phân chia lợi nhuận:

- Lợi nhuận ròng được trích chia thưởng cho bộ phận trực tiếp quản lý điều hành là 10% (tỷ lệ cụ thể căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế và sự đồng thuận của hai bên).
- Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các chi phí theo quy định được chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi Bên (hoặc tỷ lệ thoả thuận khác nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

23. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
23.1	Vốn đầu tư của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
23.2	Thặng dư vốn cổ phần	1.390.000	-	-	1.390.000
23.3	Quỹ đầu tư phát triển	205.129.896	434.073.524	-	639.203.420
23.4	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	2.141.062.002	3.793.994.112	2.226.680.469	3.708.375.645
	TỔNG CỘNG	17.347.581.898	4.228.067.636	2.226.680.469	19.348.969.065

23.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) góp vốn	Số tiền
- Bộ Giao thông vận tải	765.000	51,00%	7.650.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	150.000	10,00%	1.500.000.000
- Vũ Trung Tá	121.500	8,10%	1.215.000.000
- Đào Việt Hà	75.000	5,00%	750.000.000
- Hồ Ngọc Nghĩa	24.700	1,65%	247.000.000
- Cao Văn Phúc	22.700	1,51%	227.000.000
- Ngô Thanh Liêm	16.300	1,09%	163.000.000
- Nguyễn Trường Sơn	12.000	0,80%	120.000.000
- 91 cổ đông khác	312.800	20,85%	3.128.000.000
Cộng	1.500.000	100,00%	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng/CP.

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	1.500.000	1.497.100
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại trong năm	-	8.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán ra trong năm	-	10.900
- Số lượng cổ phiếu lưu hành cuối năm	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.493.687

23.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khoản thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ khoản tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

23.3 Quỹ đầu tư phát triển

- Số đầu năm	205.129.896	11.300.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	434.073.524	193.829.896
- Số cuối năm	639.203.420	205.129.896

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

23.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.141.062.002	803.373.215
- Phân phối lợi nhuận của năm trước (*)	(2.109.110.286)	(772.678.834)
+ Quỹ Khen thưởng	(78.518.381)	(38.765.980)
+ Quỹ Phúc lợi	(78.518.381)	(77.531.958)
+ Quỹ Đầu tư phát triển	(434.073.524)	(193.829.896)
+ Chia cổ tức năm 2016	(1.518.000.000)	(462.551.000)
- Lợi nhuận chưa PP năm trước chuyển năm nay	31.951.716	30.694.381
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	3.793.994.112	2.170.367.621
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(117.570.183)	(60.000.000)
+ Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh (**)	(17.570.183)	-
+ Quỹ Khen thưởng	-	(30.000.000)
+ Quỹ Phúc lợi	(100.000.000)	(30.000.000)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	3.676.423.929	2.110.367.621
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	3.708.375.645	2.141.062.002

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(**) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017 với ông Đặng Thanh Phong.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.699.811.774	43.270.185.599

Doanh thu duy trì luồng tuyến, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

25. Giá vốn hàng bán	36.694.782.659	36.532.602.200
Giá vốn nạo vét luồng tuyến; sản xuất, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác.		
26. Doanh thu hoạt động tài chính	11.869.199	7.880.791
Khoản lãi tiền gửi ngân hàng.		
27. Chi phí tài chính	337.380.000	255.619.677
Khoản chi phí lãi tiền vay.		
28. Chi phí bán hàng	60.454.545	-
Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.		
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	-	1.344.884.221
- Chi phí đồ dùng văn phòng	237.197.717	177.275.629
- Chi phí khấu hao TSCĐ	638.493.869	323.466.790
- Thuế, phí và lệ phí	478.501.430	9.000.000
- Chi phí dự phòng	1.130.475.401	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	795.704.692	878.177.506
- Chi phí bằng tiền khác	1.343.759.927	1.515.982.028
Cộng	4.624.133.036	4.248.786.174
30. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động nhượng bán, thanh lý tài sản	131.831.819	42.727.272
- Thu nhập khác	938.255.540	650.480.000
Cộng	1.070.087.359	693.207.272

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

31. Chi phí khác

- Chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	70.819.289	5.443.282
- Các khoản bị phạt	110.682.714	36.036.742
- Các khoản chi phí khác	108.693.645	136.653.500
Cộng	290.195.648	178.133.524

32. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

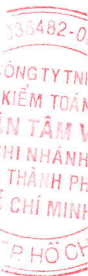
32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh chính	972.043.240	585.764.466
32.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động hợp tác kinh doanh	8.785.091	-
Cộng	980.828.332	585.764.466

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh chính

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động kinh doanh chính	4.730.896.987	2.756.132.087
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	129.319.214	172.690.242
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.860.216.201	2.928.822.329
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	972.043.240	585.764.466

32.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành của Hợp đồng hợp tác kinh doanh bên thủy nội địa số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh	43.925.457	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	43.925.457	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.785.091	-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.793.994.112	2.170.367.621
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(379.399.411)	(217.036.762)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.414.594.701	1.953.330.859
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	1.500.000	1.493.687
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.276	1.308

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2017. Cho tới thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa có quyết định về việc phân phối lợi nhuận cho năm 2017, nên Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ của năm 2016.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Vũ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Cổ đông (10%)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Ông Vũ Trung Tá	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	219.205.043
Ông Ngô Thanh Liêm	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	191.456.400
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	172.489.407
Ông Đặng Văn Dũng	Chuyển tiền cho Công ty góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10	2.594.828.334
	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	334.482.833
	Nhận tiền lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	234.137.983
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Chi phí thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi	4.164.190.091
	Thanh toán chi phí thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi	7.146.886.050

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Ông Đặng Văn Dũng	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.344.850
Cộng nợ phải thu		100.344.850
Ông Đặng Văn Dũng	Phải trả tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10	3.344.828.334
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả chi phí thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi, vận chuyển	1.634.081.000
Cộng nợ phải trả		4.978.909.334

2. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2017

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2017 sau đây:

- Thông tư số 79/2017/TT-BTC ngày 01/08/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung tiết b1 Điểm b Khoản 4 Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
- Thông tư số 06/2017/TT-BTC ngày 20/01/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC)
- **Luật kế toán**

Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua **Luật số 88/2015/QH13** - Luật Kế toán (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá



